

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 5 - 2021

“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giữ

Bà Trương Thị Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú không tham gia phiên tòa.***

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Kim T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Phú An, xã AB, huyện ThS, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trương Hữu T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp BP, xã BC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Tô Kim T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào năm 2012, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, ông T thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc không chăm lo cho vợ con. Từ những mâu thuẫn đó nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 07 năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình

trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm của bà và ông T nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Hữu T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Tô Hữu Quý, sinh ngày 24/4/2012, hiện con chung Hữu Quý đang sống chung với bà T và Tô Thảo Uyên, sinh ngày 20/9/2016, nhưng khi bé 04 tuổi thì bị bệnh chết. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Quý, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trương Hữu T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, địa chỉ cư trú của ông T là tại xã BC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông vắng mặt không có lý do và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà T và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.2] Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ năm 2018 và nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn. Ông T tuy đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải và phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Do ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T.

[2.4] Ông bà có 02 con chung tên Tô Hữu Quý, sinh ngày 24/4/2012 và Tô Thảo Uyên, sinh ngày 20/9/2016 (chết năm 2020), hiện cháu Quý đang do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quý và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, để đảm bảo ổn định tâm lý và cuộc sống sinh hoạt của cháu Quý cũng như phù hợp ý kiến của cháu Quý là muốn tiếp tục sống cùng mẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Quý cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà. Hiện mức lương cơ bản là 1.490.000đ(Một triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng)/tháng do đó ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, tương đương số tiền 745.000đ(bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)/tháng.

[2.6] Bà T và thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Kim T và ông Trương Hữu T.

- Về quan hệ con chung: 02 con chung tên Tô Hữu Quý, sinh ngày 24/4/2012 và Tô Thảo Uyên, sinh ngày 20/9/2016 (chết năm 2020), hiện cháu

Quý đang do bà T nuôi dưỡng. Giao cháu Hữu Quý cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hữu Quý số tiền 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T và thành viên gia đình không được ngăn cản ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Tô Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008708 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Trương Hữu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Bà Tô Kim T và ông Trương Hữu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương